

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông

Căn cứ vào Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 4626/TB-STC ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài Chính Hà Nội.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông (theo các biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Kế hoạch-Tài chính, phòng Hành chính tổng hợp và các đơn vị liên quan thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

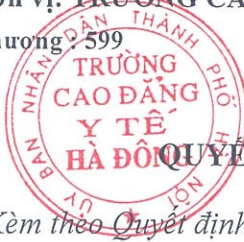
- Sở Tài chính (để b/c);
- Lưu VT, KHTC;



Nguyễn Đăng Trường

Đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Chương 599



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 265/QĐ-CDYT-KHTC ngày 29/4/2025 của Trường CD Y tế Hà Đông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu			
I	Tổng số thu	45,865	45,865	
	Trong đó: Trích cải cách tiền lương	340	340	
1	Học phí	41,788	41,788	
	Học phí chính quy	37,160	37,160	
	Học phí đào tạo ngắn hạn	515	515	
	Học phí Trung cấp bằng thứ 2	271	271	
	Học phí CĐ liên thông VHVL	1,372	1,372	
	Học phí Cao đẳng bằng thứ 2	2,427	2,427	
	Lệ phí tuyển sinh	43	43	
2	Thu khác	3,570	3,570	
	Thu TT Thực hành khám chữa bệnh	613	613	
	Thu Dịch vụ trông xe, nhà ăn	175	175	
	Tiền Giáo trình	1,281	1,281	
	Thu khác	178	178	
	Thu nội trú	1,323	1,323	
3	Lãi ngân hàng	409	409	
4	Thu Thanh lý TS, CCDC, nguồn khác	98	98	
II	Quyết toán chi từ nguồn thu được để lại	50,150	50,150	-
	Trong đó: Chi cải cách tiền lương	4,920	4,920	
1	Chi nguồn thu học phí và dịch vụ	50,111	50,111	-
a	Chi thanh toán cho cá nhân	20,454	20,454	-
	Tiền lương	10,778	10,778	
	Tiền công trả cho LĐTX hợp đồng	931	931	
	Phụ cấp lương	3,517	3,517	
	Tiền học bổng học sinh - sinh viên	1,117	1,117	
	Tiền thưởng		-	
	Phúc lợi tập thể		-	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Các khoản đóng góp	3,014	3,014	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1,097	1,097	
<i>b</i>	<i>Chi về hàng hóa, dịch vụ</i>	12,814	12,814	-
	Thanh toán dịch vụ, công cộng	1,549	1,549	
	Vật tư văn phòng	707	707	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	721	721	
	Hội nghị	69	69	
	Công tác phí	104	104	
	Chi phí thuê mướn	618	618	
	SCTS phục vụ cho CTCM	1,509	1,509	
	Chi phí nghiệp vụ CM từng ngành	7,537	7,537	
<i>c</i>	<i>Chi thường xuyên khác</i>	16,843	16,843	-
	Chi khác	4,685	4,685	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở các đơn vị hành chính, sự nghiệp		-	
	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	12,158	12,158	
<i>d</i>	<i>Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn</i>		-	
<i>2</i>	<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>34</i>	<i>34</i>	
<i>3</i>	<i>Chi thanh lý TS</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	
B	Quyết toán chi NSNN	29,982	29,982	0
1	Loại 490 khoản 501- Chi thường xuyên	17,430	17,430	-
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	558	558	
	Các khoản hỗ trợ khác	558	558	
	Chi khác	16,872	16,872	
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	16,872	16,872	
2	Loại 490 khoản 501- Chi không thường xuyên	12,552	12,552	-
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12,522	12,522	-
	Nhà cửa	12,522	12,522	-
	Chi khác	30	30	-
	Chi các khoản khác	30	30	
C	Số thu nộp NSNN	1,035	1,035	-
1	Thu học phí nộp NSNN	836	836	
2	Thu khác	199	199	